TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH T

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Giàu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Võ Xuân Phong.**

2/ Bà **Võ Thị Son.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Lê Thị Hoàng Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Lâm Thúy Vi** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị T**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 109/2, tổ 15, ấp Long Hải, xã Trường Tây, huyện H, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1960 (vắng mặt).

Bà **Mang Thị H**, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 123/11A, tổ 22B, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn bà Phạm ThịT, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bàT trình bày:

BàT là hụi viên còn ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H là chủ thảo hụi. BàT có tham gia 01 dây hụi 1.000.000 đồng khui 09/4/2011 (AL) do ông T và bà H làm chủ thảo, gồm 28 phần, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 09 (AL) hàng tháng, bàT đã đóng hụi đầy

đủ cho ông T bà H đến kỳ thứ 22 được số tiền gốc là 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Ông T bà H có giao danh sách hụi viên cho bàT. Vào đầu năm 2013 thì ông T bà H tuyên bố bể hụi và đã bỏ trốn nên bàT không góp hụi cho ông T bà H nữa.

Nay ra Tòa bàT yêu cầu ông T và bà H trả lại cho bàT số tiền hụi gốc đã đóng là 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), bàT không yêu cầu tính tiền lãi.

****** *Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tống đạt hợp lệ cho ông T, bà H phải đến Tòa án tham gia giải quyết vụ kiện này nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do.*

* ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H***:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và trình tự tiến hành phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã thông báo và thực hiện việc tống đạt hợp lệ đối với ông T, bà H nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Ngày 09/4/2011 bàT có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do ôngT và bà H làm thảo hụi, bàT đã đóng hụi được 22 lần số tiền là 15.650.000 đồng. Sau đó ông T bà H tuyên bố vỡ hụi và bỏ trốn. Nay bàT khởi kiện yêu cầu ông T bà H trả lại số tiền hụi gốc đã đóng là 15.650.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[**1**] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án*:*

Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nơi cư trú tại số 123/11A, tổ 22B, ấp Long Thành, xã Long Thành Trung, huyện H, tỉnh T nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông T và bà H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án và tham dự phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H.

[**2**] Về nội dung vụ án*:*

BàT có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 09/4/2011 do ôngT và bà H làm thảo hụi, hụi gồm 28 phần, mỗi tháng khui hụi 01 lần, có danh sách hụi viên, trong danh sách hụi ghi tên Út Ngọc là chồng bàT, bàT đã đóng hụi cho ông T bà H được 22 lần số tiền gốc là 15.650.000 đồng. Đến đầu năm 2013 thì ông T bà H tuyên bố vỡ hụi và bỏ trốn không trả lại tiền góp hụi cho bàT là vi phạm nghĩa vụ T toán nên bàT khởi kiện. Do đó xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" được quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[**3**] Xét nghĩa vụ trả nợ thấy: Trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, qua danh sách hụi viên do ông T bà H cung cấp cho bàT và qua xác minh những người hụi viên cùng tham gia dây hụi với bàT cũng đều xác định ông T, bà H là thảo hụi và bàT là hụi viên, bàT có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng khui ngày 09/4/2011là có thật. Nay ra Tòa bàT chỉ yêu cầu ông T bà H trả lại số tiền hụi gốc đã đóng là 15.650.000 đồng, không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cần buộc ông T, bà H có nghĩa vụ trả lại cho bàT số tiền nợ hụi gốc 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

[**4**] Theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[**5**] Ông T, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm ThịT đối với ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm ThịT số tiền hụi gốc là 15.650.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), ghi nhận bàT không yêu cầu ông T bà H trả lãi.

Kể từ ngày bàT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T và bà H còn phải trả cho bàT số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T và bà Mang Thị H phải chịu 782.500 đồng (Bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho bà Phạm ThịT số tiền tạm ứng án phí đã đóng 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019316 ngày 16 tháng 01 năm 2018.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho bàT biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T, bà H vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu trữ;

PHẠM NGỌC GIÀU